

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật được đánh giá theo tiêu chí “đạt/không đạt”. Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi đạt tất cả các nội dung quy định dưới đây; nhà thầu không đạt một trong các nội dung dưới đây thì bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và bị loại.

Đối với các nội dung yêu cầu nhà thầu phải nộp thuyết minh và bản vẽ biện pháp thi công, E-HSĐT chỉ được đánh giá đạt khi nhà thầu nộp đồng thời: thuyết minh biện pháp thi công, bản vẽ biện pháp thi công và tiến độ/biểu đồ huy động có liên quan. Tại giai đoạn dự thầu, bản vẽ biện pháp thi công được yêu cầu ở mức đủ để chứng minh tính khả thi, phù hợp hồ sơ thiết kế BVTC, khối lượng mời thầu, điều kiện hiện trường và tiến độ đề xuất; không yêu cầu nhà thầu lập đầy đủ toàn bộ shop drawing như giai đoạn thi công. Sau khi trúng thầu và trước khi triển khai từng hạng mục, nhà thầu phải lập bản vẽ biện pháp thi công chi tiết/shop drawing, kế hoạch kiểm tra - thí nghiệm - nghiệm thu trình Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát xem xét chấp thuận. Không chấp nhận hình minh họa chung chung, bản vẽ mẫu, bản vẽ của công trình khác hoặc nội dung sao chép không gắn với gói thầu.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng, cấu kiện, thiết bị và thiết bị thi công

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
1.1	Yêu cầu chung về vật liệu, cấu kiện, thiết bị đưa vào công trình Có hồ sơ kỹ thuật chứng minh vật liệu, cấu kiện, thiết bị dự kiến sử dụng phù hợp E-HSMT, Chương V - Yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ thiết kế BVTC và khối lượng gói thầu. Hồ sơ nêu tối thiểu: nguồn gốc/xuất xứ, nhà sản xuất/đơn vị cung cấp, tiêu chuẩn áp dụng, chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu, phạm vi sử dụng, phương án bảo quản và sự tương thích với điều kiện thi công kè bờ sông Đắk Tô Kan.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
1.2	Nguồn cung ứng vật liệu và cấu kiện chủ yếu: Có thuyết minh nguồn cung ứng, khả năng cung cấp liên tục, cự ly vận chuyển, tuyến vận chuyển, bãi tập kết và tính pháp lý đối với tối thiểu các nhóm: đất đắp, cát, đá hộc, đá dăm 1x2/4x6, cấp phối đá dăm, xi măng, thép cốt bê tông, thép lan can, ống BTLT D1000, ống buy BTCT, tấm lát mái BT đúc sẵn, nắp/tấm đan, rọ đá/lưới thép, vải địa kỹ thuật, bạt ni lông chống thấm đê quây, bitum/giấy dầu, vật liệu sơn và vật tư phụ trợ.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
1.3	Năng lực sản xuất, vận chuyển và bảo quản cấu kiện bê tông đúc sẵn: Có biện pháp và sơ đồ bãi đúc/tập kết cấu kiện, phân lô - đánh số - nghiệm thu cấu kiện, kế hoạch dưỡng hộ, kiểm tra cường độ, kích thước, khuyết tật, phương án bốc xếp/vận chuyển/lắp đặt không làm nứt vỡ, sụt cạnh. Nội dung phải phù hợp với khối lượng trong gói thầu.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
1.4	Thiết kế cấp phối, thí nghiệm vật liệu và phòng thí nghiệm Có kế hoạch lấy mẫu, thí nghiệm, kiểm tra vật liệu đầu vào và kiểm soát quá trình thi công cho đất đắp, đá hộc, đá dăm, cốt liệu bê tông, xi măng, thép, bê tông/vữa, cấu kiện đúc sẵn, công BTLT, vải địa kỹ thuật, rọ đá và sơn thép. Có tài liệu chứng minh phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đủ điều kiện hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm đủ điều kiện.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
1.5	Khả năng huy động thiết bị và nhân lực theo tiến độ 18 tháng Có biểu đồ huy động thiết bị, nhân lực và tổ đội chuyên môn theo từng giai đoạn; bố trí thiết bị dự phòng cho các công việc không chế tiến độ như đề quây - bơm tiêu nước, đào móng chân kè, lắp ống buy, đúc/lắp cấu kiện, thi công công D1000, đổ bê tông dầm kè và hoàn thiện đường quản lý - lan can.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu từ 1.1 đến 1.5.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ một trong các yêu cầu từ 1.1 đến 1.5.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật, tổ chức thi công

Đối với toàn bộ nội dung tại Mục 2, nhà thầu chỉ được đánh giá đạt khi E-HSDT có thuyết minh biện pháp thi công chi tiết và bộ bản vẽ biện pháp thi công tương ứng. Bản vẽ phải sử dụng đúng nền hồ sơ thiết kế của gói thầu bờ tây, thể hiện mặt bằng, trắc dọc, mặt cắt ngang, chi tiết cấu tạo, phân đoạn, trình tự, thiết bị và phạm vi kiểm soát an toàn; không chấp nhận chỉ nêu cam kết hoặc bản vẽ mang tính minh họa.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
2.1	Tổ chức mặt bằng, khảo sát hiện trạng và chuẩn bị công trường	
2.1.1	Tổ chức tổng mặt bằng công trường: Có thuyết minh và bản vẽ tổng mặt bằng công trường thể hiện tối thiểu: phạm vi thi công bờ tây; đường công vụ/đường thi công đỉnh kè và đường xuống chân kè; vị trí ban chỉ huy, kho bãi, bãi đúc cấu kiện, bãi tập kết ống buy/cống/tấm lát/rọ đá; tuyến vận chuyển vật liệu và đất thải; vị trí máy móc chủ yếu; cấp điện - cấp nước tạm; thoát nước tạm; PCCC; khu vực kiểm tra chất lượng; vệ sinh môi trường và rào chắn/cảnh báo.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.1.2	Tiếp nhận mặt bằng, trắc đạc và mốc khống chế: Có quy trình tiếp nhận mặt bằng, khôi phục tìm tuyến, cọc lý trình, cao độ đỉnh kè/chân kè, cao độ đáy cống, phạm vi đường quản lý, rãnh/hố ga, bậc/dốc dân sinh và các vị trí công trình phụ trợ. Có biện pháp bảo vệ mốc, kiểm tra sai khác địa hình - thủy văn - hiện trạng trước khi thi công.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.1.3	Công tác ghi nhận hiện trạng, bảo vệ công trình lân cận và khu vực dân sinh/sản xuất ven sông: Có phương án ghi nhận hiện trạng trước thi công và trước khi triển khai từng phân đoạn đối với bờ sông, mái bờ, mép đào, nhà dân/công trình lân cận, đường giao thông, hệ thống thoát nước/cống hiện hữu, rọ đá cũ, khu vực sản xuất và lối đi của người dân, các vị trí có nguy cơ sạt trượt, xói lở, lún nứt. Phương án phải nêu rõ phương pháp ghi nhận bằng ảnh, video, sơ đồ vị trí, mô tả hiện trạng, mẫu biểu kiểm tra, nhật ký theo dõi và quy trình báo cáo khi phát hiện bất thường. Có sơ đồ/bản vẽ biện pháp trên nền bản vẽ thiết kế gói thầu, thể hiện phạm vi kiểm tra, khu vực nhạy cảm, vị trí dự kiến theo dõi lún/nứt/sạt trượt, khu vực hạn chế chất tải, phạm vi rào chắn/cảnh báo và biện pháp bảo vệ tương ứng.	Đạt
	Không có phương án; hoặc chỉ nêu cam kết chung chung; hoặc không có sơ đồ/bản vẽ biện pháp; hoặc bản vẽ không lập trên nền thiết kế của gói thầu; hoặc không xác định các đối tượng/khu vực cần bảo vệ; hoặc không có kế hoạch theo dõi, cảnh báo và quy trình xử lý khi xảy ra ảnh hưởng do thi công.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
2.1.4	Tổ chức mũi thi công và logistics vật liệu: Có sơ đồ phân đoạn thi công theo từng đơn nguyên, tổ chức mũi thi công từ thượng lưu xuống hạ lưu hoặc theo điều kiện mặt bằng được bàn giao; làm rõ vận chuyển đất, đá, bê tông, cấu kiện đúc sẵn, ống buy, cống D1000, rọ đá và lan can; không gây ùn tắc, sạt trượt hoặc mất an toàn cho dân cư ven tuyến.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.2	Đường thi công, đê quây, dẫn dòng và bơm tiêu nước	
2.2.1	Đường thi công và đường công vụ: Có biện pháp thi công đường công vụ/đường thi công dọc tuyến, nền đường thi công, kiểm soát cao độ, bề rộng, độ dốc, thoát nước và khả năng chịu tải của xe vận chuyển, cầu lắp cấu kiện; có bản vẽ mặt bằng, mặt cắt đường công vụ và điểm quay đầu/né tránh.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.2.2	Đê quây thi công và bạt chống thấm: Có thuyết minh và bản vẽ đê quây theo từng phân đoạn/đơn nguyên, thể hiện cao trình đỉnh, bề rộng, mái dốc, vật liệu đắp, lớp bạt chống thấm, khoảng cách đến hố móng chân kè, vị trí bơm tiêu, cửa tháo nước, đường công vụ, khu vực tập kết vật liệu và trình tự tháo dỡ sau khi hoàn thành. Biện pháp phải xét đến mực nước sông, mưa lũ bất thường, thi công an toàn trong lòng sông và không làm cản trở dòng chảy ngoài phạm vi được chấp thuận.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.2.3	Bơm tiêu nước, chống ngập hố móng và ứng phó lũ: Có tính toán sơ bộ năng lực bơm chính, bơm dự phòng, số lượng máy bơm, vị trí đặt bơm, ống xả, nguồn điện/nhiên liệu, trục vận hành và thời gian bơm tiêu. Có quy trình dừng thi công, gia cố tạm và sơ tán người - thiết bị khi mưa lớn, nước sông dâng nhanh hoặc đê quây mất ổn định. Có quy định điểm dừng kỹ thuật trước khi đào móng, trước khi lắp ống buy, trước khi đổ đá hộc vào ống buy/hộ chân và trước khi đổ đầm chân.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.3	Công tác đất, đào móng, đắp và vận chuyển đồ thải	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
2.3.1	Phát quang, dọn dẹp, bóc hữu cơ và phá dỡ hiện trạng: Có biện pháp phát quang, dọn dẹp cây cỏ, gốc rễ, rác, bóc phong hóa/hữu cơ, phá dỡ rọ đá kè cũ, phân loại vật liệu tận dụng và vận chuyển phế thải đến vị trí hợp pháp; có bản vẽ/phạm vi công việc theo cọc/lý trình.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.3.2	Đào móng chân kè, đào mái và đào đất công trình: Có biện pháp đào đất bằng máy kết hợp thủ công theo cao độ thiết kế; kiểm soát đáy móng, mái đào, chống sạt thành hố đào, thoát nước hố móng, không làm xáo trộn nền móng; có bản vẽ trình tự đào, phạm vi đào và biện pháp bảo vệ hố móng trước khi đặt ống buy/dầm chân/cống.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.3.3	Đắp đất công trình, đắp sau kết cấu và đắp trả: Có quy trình lựa chọn vật liệu đắp, xử lý độ ẩm, rải lớp, lu/đầm, kiểm tra độ chặt $K=0,90$ và K theo thiết kế; thể hiện trình tự đắp sau ống buy, sau cống, sau tường/rãnh/hố ga, đắp mái kè, đắp đường quản lý và bảo vệ chống xói trong mùa mưa.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.3.4	Vận chuyển đất tận dụng, đất thải và san bãi thải: Có thuyết minh cân bằng đào - đắp, vị trí trữ tạm, phương án tận dụng đất đạt yêu cầu, tuyến vận chuyển, bãi thải hợp pháp, biện pháp che chắn xe, vệ sinh đường, san gạt bãi thải và kiểm soát bùn đất không chảy xuống sông/khu dân cư.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.4	Chân kè, hàng ống buy, đá hộ hộ chân và dầm chân	
2.4.1	Thi công lớp lót, gói đặt ống buy và nền chân kè: Có biện pháp hoàn thiện đáy móng, bê tông lót/gói đỡ, lớp đệm đá theo thiết kế; kiểm tra cao độ, tìm tuyến, độ phẳng, khả năng chịu lực nền trước khi lắp đặt ống buy và đổ đá hộ chân; có bản vẽ mặt cắt chân kè theo hồ sơ thiết kế.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
2.4.2	Cầu lắp ống buy BTCT, căn chỉnh và kiểm tra: Có biện pháp cầu lắp ống buy BTCT bằng thiết bị phù hợp, trình tự lắp từ phân đoạn không chế, kiểm tra cao độ đỉnh ống, độ thẳng hàng, khoảng cách, mối tiếp giáp, an toàn cầu và kiểm tra sau mỗi đoạn 10-20m trước khi chuyển bước.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.4.3	Thả đá học trong ống buy và ngoài chân kê: Có biện pháp lựa chọn, vận chuyển, thả/xếp đá học vào ống buy và thân/chân kê; kiểm soát kích thước viên đá, độ rỗng, không làm xô lệch ống buy, không làm hư hỏng lớp lót hoặc gây đục bùn ảnh hưởng dòng chảy; có bản vẽ phạm vi đá học hộ chân.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.4.4	Thi công đầm chân BTCT M200: Có biện pháp ván khuôn, cốt thép, bê tông lót, bê tông M200, mạch ngừng, khe giấy dầu/bitum, bảo dưỡng và nghiệm thu đầm chân; trình tự phải gắn với công tác kê quay, bơm tiêu, đặt ống buy và đắp trả sau kết cấu.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.5	Mái kê lát cầu kiện bê tông đúc sẵn	
2.5.1	Sửa mái, tạo phẳng và kiểm soát hệ số mái $m=2$: Có biện pháp định vị, đào/bạt/sửa mái, kiểm tra cao độ và hệ số mái, xử lý vị trí cục bộ yếu hoặc xói lở, không thi công lớp lọc khi mái còn bão hòa nước, sạt trượt hoặc chưa nghiệm thu.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.5.2	Trải vải địa kỹ thuật và xử lý chõng mí: Có thuyết minh và bản vẽ trải vải địa kỹ thuật theo đúng hướng từ đỉnh xuống chân, chõng mí, ghim giữ, bảo vệ vải không rách, không bẩn, không phơi nắng kéo dài; có quy trình nghiệm thu vải trước khi rải đá dăm.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
2.5.3	Rải đá dăm lọc, lớp đệm và kiểm soát chiều dày: Có biện pháp rải đá dăm 1x2 theo đúng chiều dày, san phẳng, không đổ từ cao làm rách vải, không lẫn bùn đất/tạp chất; có bản vẽ và quy trình kiểm tra chiều dày, bề mặt trước khi lắp tấm lát.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.5.4	Lắp đặt tấm lát BT đúc sẵn 40x40x15cm: Có biện pháp vận chuyển, bốc xếp, đưa tấm xuống mái, lắp từ chân lên đỉnh theo hướng dòng chảy, bảo đảm mạch thẳng, khe hở, độ phẳng, không cập kênh, không nứt vỡ, có xử lý tấm chèn/tấm cắt tại vị trí cong cua, tiếp giáp dầm và công trình phụ trợ.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.5.5	Dầm ngang, dầm đỉnh, dầm khóa và khe biến dạng: Có biện pháp thi công dầm BTCT M200, bê tông lót M100, cốt thép, ván khuôn, bitum/giấy dầu tại khe phân đoạn, bảo dưỡng và bảo vệ thành phẩm; bản vẽ phải thể hiện khoảng cách dầm ngang theo thiết kế và các vị trí dầm khóa đầu/cuối tuyến.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.6	Thoát nước đỉnh kè, cống D1000, hố ga, rãnh và công trình phụ trợ	
2.6.1	Hố ga thu nước đỉnh kè và nắp hố ga: Có biện pháp thi công hố ga BTCT M200, tấm đan/nắp hố ga đúc sẵn, cốt thép, ván khuôn, cao độ đáy/đỉnh, lớp lót, đấu nối với cống/rãnh, bảo đảm không thấm rò, không đọng nước và thuận tiện bảo trì.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.6.2	Cống thu nước ngang kè và cống thoát nước D1000: Có thuyết minh và bản vẽ thi công ống BTLT/ống cống D1000, đào móng, lót móng, đặt ống bằng cần cẩu, gôì cống, nối ống vữa M100, quét bitum/giấy dầu, đắp trả, chống xói cửa ra và nghiệm thu cao độ - độ dốc dòng chảy.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
2.6.3	Rãnh thoát nước đỉnh kè, tấm đan rãnh và đầu nối: Có biện pháp thi công rãnh thoát nước BTCT M200, lớp lót vữa, cốt thép, ván khuôn, tấm đan, cao độ đáy, độ dốc, hướng thoát nước, đầu nối hố ga - cống; không được để rãnh cắt phá hoặc làm yếu đường quản lý đỉnh kè.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.6.4	Đường quản lý đỉnh kè: Có biện pháp thi công đường quản lý đỉnh kè BT M200 dày 20cm trên lớp ni lông tái sinh theo hồ sơ thiết kế; kiểm soát nền, cao độ, độ dốc thoát nước, khe co giãn, bảo dưỡng, bảo vệ bề mặt và xử lý riêng đoạn không bố trí đường quản lý/lan can/rãnh theo hồ sơ thiết kế.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.7	Bậc dân sinh, dốc dân sinh, tường chắn, gia cố taluy và rọ đá	
2.7.1	Bậc dân sinh và dốc dân sinh: Có biện pháp thi công bậc dân sinh BTCT M200, xây/trát/tay vịn, dốc dân sinh, kết nối khu vực sản xuất của người dân, bảo đảm cao độ, độ dốc, chống trơn trượt, thoát nước và an toàn khi khai thác.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.7.2	Tường chắn đất và gia cố mái taluy bằng đá xây: Có biện pháp đào móng, bê tông lót, bê tông tường, cốt thép/ván khuôn, xây đá hộc vữa XM M100, tầng lọc đá dăm, vải địa kỹ thuật, ống thoát nước D34 và kiểm soát ổn định mái taluy, đặc biệt tại các khu vực dốc cao, gần dân cư hoặc gần đường hiện hữu.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.7.3	Rọ đá, phá dỡ và tận dụng đá hộc rọ cũ: Có biện pháp phá dỡ rọ đá cũ, phân loại đá hộc tận dụng, làm và thả rọ đá 2x1x0,5m, thép liên kết, kiểm soát kích thước mắt lưới, dây buộc, xếp đá, liên kết các rọ, chống xói đầu/cuối tuyến và bảo vệ công trình chuyển tiếp.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
2.7.4	Lan can, thép, sơn và hoàn thiện an toàn: Có biện pháp gia công, lắp đặt trụ lan can thép hình, ống thép, khung hoa sắt, cầu thép, sơn lót - sơn phủ, căn chỉnh, bảo vệ lớp sơn/lớp mạ, kiểm tra bulông/mối hàn và bảo đảm an toàn trên đỉnh kè.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.8	Điều tiết giao thông, bảo vệ công trình và hoàn thiện	
2.8.1	Điều tiết giao thông thủy và đường bộ trong quá trình thi công: Có phương án điều tiết giao thông thủy bằng phao tiêu, cột/bảng báo hiệu, đèn cảnh báo và người hướng dẫn khi cần; có phương án bảo đảm giao thông bộ tại đường hiện hữu, đường công vụ, vị trí dân sinh ra vào; bản vẽ phải thể hiện phạm vi rào chắn, biển báo, luồng qua lại và vị trí thiết bị cảnh báo.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.8.2	Bảo vệ thành phẩm và hoàn trả mặt bằng: Có biện pháp bảo vệ tấm lát, dầm kè, rãnh, cống, đường quản lý, lan can, bậc/dốc dân sinh; có quy trình sửa chữa khi nứt vỡ/sứt mẻ, vệ sinh công trường, tháo dỡ công trình tạm, phục hồi mặt bằng và bàn giao công trình sạch, an toàn.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
2.8.3	Danh mục bản vẽ biện pháp thi công bắt buộc nộp kèm E-HSDT: Có tối thiểu các bản vẽ: tổng mặt bằng công trường; phân đoạn/mũi thi công; đường công vụ và đề quây; đào móng và bơm tiêu; chân kè - ống buy - đá hộ; dầm chân/dầm ngang/dầm đỉnh; rải vải - đá dăm - tấm lát; cống D1000 - hố ga - rãnh; bậc/dốc dân sinh; tường chắn - taluy - rọ đá; lan can; ATGT/điều tiết giao thông thủy; bảo vệ môi trường và ứng phó lũ.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Mục 2.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ một trong các yêu cầu tại Mục 2.	Không đạt

3. Tiến độ thi công

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
3.1	Thời gian thực hiện gói thầu: Đề xuất thời gian thực hiện gói thầu không vượt quá 18 tháng; tiến độ phải xét đến mùa mưa, mực nước sông, thời gian thi công đê quây, bơm tiêu, đúc và dưỡng hộ cấu kiện, nghiệm thu từng phân đoạn và hoàn thiện bàn giao.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.2	Biểu đồ tổng tiến độ và đường găng: Có biểu đồ tiến độ tổng thể dạng Gantt/CPM hoặc tương đương, thể hiện trình tự và mối quan hệ giữa các hạng mục: chuẩn bị, bãi đúc, đường thi công, đê quây, đào đất, chân kè, dầm BTCT, mái kè, cống/rãnh/hố ga, đường quản lý, bậc/dốc dân sinh, rọ đá, lan can, hoàn thiện, thí nghiệm và hồ sơ hoàn công; có xác định đường găng và mốc khống chế.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.3	Tiến độ chi tiết theo phân đoạn/mũi thi công: Có tiến độ chi tiết theo phân đoạn tuyến bờ tây và theo đơn nguyên thi công, trong đó làm rõ phân đoạn thi công chân kè trong nước, đoạn dốc/taluy khó, đoạn có dân sinh, vị trí cống D1000 và các điểm nối tiếp đầu/cuối tuyến.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.4	Biểu đồ huy động nhân lực: Có biểu đồ huy động nhân lực theo giai đoạn, tách riêng các đội: trắc đạc, đất/đê quây, bê tông - cốt thép, bãi đúc, cầu lắp ống buy/cống/cấu kiện, lát mái, rãnh/hố ga, rọ đá/taluy, lan can/sơn, an toàn - môi trường - điều tiết giao thông.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.5	Biểu đồ huy động vật tư, cấu kiện và thiết bị: Có kế hoạch cung ứng vật tư, cấu kiện và thiết bị phù hợp với tiến độ; có mức tồn kho tối thiểu đối với cấu kiện đúc sẵn trước khi lắp đặt; có thời điểm trình duyệt mẫu, thí nghiệm, nghiệm thu lô vật liệu và phương án dự phòng khi nguồn cung bị gián đoạn.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
3.6	Biện pháp duy trì tiến độ trong mùa mưa/lũ: Có kịch bản ứng phó mưa lớn, lũ bất thường, sạt mái, hỏng đề quây, ngập hồ móng, đường công vụ lầy lún, thiếu cầu kiện hoặc hỏng thiết bị; có giải pháp chuyển mũi thi công, bảo vệ vật liệu và phục hồi tiến độ sau sự cố.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Mục 3.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ một trong các yêu cầu tại Mục 3.	Không đạt

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
4.1	Hệ thống quản lý chất lượng QA/QC: Có sơ đồ tổ chức quản lý chất lượng, phân công trách nhiệm của chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật, trắc đạc, vật liệu, thí nghiệm, an toàn, đội trưởng thi công và bộ phận nghiệm thu nội bộ; quy trình kiểm soát tài liệu, mẫu vật liệu, bản vẽ shop drawing, nhật ký và hồ sơ hoàn công.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4.2	Kế hoạch kiểm tra, thí nghiệm vật liệu đầu vào: Có kế hoạch lấy mẫu, thí nghiệm, nghiệm thu nguồn vật liệu và cấu kiện; có tần suất kiểm tra, tiêu chí chấp nhận, biểu mẫu nghiệm thu và trình tự xử lý vật liệu/cấu kiện không phù hợp.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4.3	Kiểm soát chất lượng công tác đất và nền móng: Có quy trình kiểm soát phát quang, bóc hữu cơ, đào móng, sửa mái, xử lý đáy móng, đắp đất, kiểm tra độ chặt, độ ẩm, cao độ, mái dốc, bãi thải và nghiệm thu trước khi chuyển bước.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
4.4	Kiểm soát chất lượng bê tông, cốt thép, ván khuôn và mạch ngừng: Có quy trình kiểm tra cốt thép, lớp bảo vệ, ván khuôn, cấp phối bê tông/vữa, độ sụt, lấy mẫu cường độ, đầm, bảo dưỡng, tháo ván khuôn, xử lý mạch ngừng/khe giấy dầu/bitum và bảo vệ bê tông trong điều kiện mưa nắng.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4.5	Kiểm soát cấu kiện đúc sẵn và lắp ghép: Có quy trình sản xuất/nhập, đánh số lô, kiểm tra kích thước, cường độ, ngoại quan, vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt và nghiệm thu ống buy, tấm lát mái, nắp hố ga, tấm đan rãnh, thanh chèn và công BTLT D1000; quy định loại bỏ cấu kiện nứt vỡ, cong vênh, sai kích thước.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4.6	Kiểm soát lớp lọc, vải địa kỹ thuật, đá dăm và tấm lát mái: Có checklist nghiệm thu mái, vải địa kỹ thuật, lớp đá dăm, tấm lát, khe giữa các tấm, độ phẳng, cao độ, điểm chèn, vị trí tiếp giáp dầm/cống/bạc; có biện pháp truy xuất vị trí từng lô cấu kiện đã lắp đặt.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4.7	Kiểm soát thoát nước, cống D1000, rãnh và hố ga: Có quy trình kiểm tra cao độ đáy, độ dốc, tim tuyến, mối nối, chống thấm, đắp trả hai bên cống, thông tuyến, thử thoát nước và nghiệm thu trước khi hoàn trả/lắp kín.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
4.8	Kiểm soát rọ đá, lan can, sơn thép và hoàn thiện: Có quy trình kiểm tra lưới rọ, dây buộc, đá xếp trong rọ, liên kết; kiểm tra vật liệu lan can, mối hàn, căn chỉnh, sơn lót/sơn phủ, chiều dày và bảo vệ thành phẩm; có biện pháp nghiệm thu mỹ quan, an toàn khai thác.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
4.9	Hồ sơ nghiệm thu, nhật ký, bản vẽ hoàn công và hồ sơ hoàn thành: Có kế hoạch lập nhật ký, biên bản nghiệm thu, phiếu yêu cầu nghiệm thu, kết quả thí nghiệm, chứng chỉ vật liệu, bản vẽ hoàn công theo lý trình/cọc, hồ sơ hoàn thành và hồ sơ bảo hành; bảo đảm lập đồng thời với thi công, không hợp thức hóa sau.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Mục 4.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ một trong các yêu cầu tại Mục 4.	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và bảo đảm giao thông

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
5.1	An toàn lao động chung: Có biện pháp an toàn lao động phù hợp từng công việc; nêu rõ huấn luyện an toàn, cấp phát bảo hộ, kiểm soát người ra vào, kiểm tra thiết bị, biển báo nội bộ công trường, sơ cứu - cứu hộ và báo cáo sự cố.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
5.2	An toàn hố đào, mái kè, đê quây và thi công ven sông: Có biện pháp chống sạt thành hố đào, chống trượt mái, hạn chế tải trọng sát mép đào/mép sông, làm việc trong khu vực có nước, cứu hộ đuối nước, kiểm soát đê quây, phao cứu sinh, dây an toàn và trực theo dõi mực nước.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
5.3	An toàn cầu lắp và vận chuyển cầu kiện nặng: Có biện pháp an toàn cầu lắp ống buy, công, tấm đan, cầu kiện đúc sẵn, lan can; nêu tải trọng, bán kính cầu, vị trí đặt cầu, móc cáp, người chỉ huy cầu, vùng cấm và kiểm tra thiết bị nâng trước khi vận hành.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
5.4	Phòng cháy chữa cháy và an toàn điện tạm: Có phương án PCCC tại kho bãi, bãi đúc, khu chứa nhiên liệu, khu hàn cắt và hệ thống điện tạm; có thiết bị chữa cháy, nội quy PCCC, cách ly nguồn lửa, kiểm tra dây dẫn/cầu dao và quy trình cắt điện khẩn cấp.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
5.5	Vệ sinh môi trường, quản lý chất thải và bảo vệ nguồn nước: Có biện pháp kiểm soát bụi, bùn đất, nước thải, dầu mỡ, tiếng ồn, rung, chất thải xây dựng, rác sinh hoạt, phế thải phá dỡ; không để vật liệu, bùn đất, xi măng, dầu mỡ trôi xuống sông; có kế hoạch vệ sinh, thu gom, vận chuyển đến nơi hợp pháp.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
5.6	Điều tiết giao thông thủy, giao thông bộ và an toàn dân sinh: Có phương án điều tiết giao thông thủy/bộ trong phạm vi thi công; bố trí phao tiêu, biển báo, đèn cảnh báo ban đêm, người điều tiết khi cần, lối đi dân sinh an toàn và biện pháp duy trì đường vào khu sản xuất của người dân.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
5.7	Ứng phó mưa lũ, sạt lở, tai nạn và sự cố công trường: Có kịch bản ứng phó khi mưa lớn, lũ, sạt mái, vỡ đê quây, ngập hồ móng, hư hỏng thiết bị, tai nạn lao động, tai nạn giao thông hoặc ô nhiễm môi trường; nêu rõ người phụ trách, phương tiện dự phòng, kênh liên lạc và thời gian xử lý ban đầu.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Mục 5.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ một trong các yêu cầu tại Mục 5.	Không đạt

6. Bảo hành công trình, quản lý khuyết tật và hồ sơ bàn giao

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
-----------	-------------------------	-----------------------

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
6.1	Cam kết bảo hành và trách nhiệm sửa chữa khuyết tật Có cam kết bảo hành theo hợp đồng và pháp luật; có quy trình tiếp nhận thông tin, kiểm tra, xử lý khuyết tật đối với mái lát, đầm kê, cống/rãnh/hố ga, đường quản lý, lan can, rọ đá, bậc/dốc dân sinh và các hạng mục phụ trợ.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
6.2	Hồ sơ bàn giao, vận hành và bảo trì: Có kế hoạch bàn giao hồ sơ hoàn công, bản vẽ hoàn công, kết quả thí nghiệm, chứng chỉ vật liệu, nhật ký, biên bản nghiệm thu, hướng dẫn quản lý - bảo trì kê, danh mục vị trí cần theo dõi sau mưa lũ và danh mục vật tư bảo hành.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu tại Mục 6.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ một trong các yêu cầu tại Mục 6.	Không đạt

Lưu ý: Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và rõ ràng của toàn bộ tài liệu kỹ thuật trong E-HSDT. Tài liệu không gắn với hồ sơ thiết kế BVTC, khối lượng dự toán, cọc/lý trình, mặt cắt hoặc điều kiện hiện trường của gói thầu bờ tây được xem là không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; Bên mời thầu không làm rõ để hợp thức hóa thiếu sót mang tính bản chất của E-HSDT.

Phụ lục Mục 3: Danh mục hồ sơ kỹ thuật và bản vẽ biện pháp tối thiểu trong E-HSDT

Nhà thầu phải nộp tối thiểu các tài liệu dưới đây để chứng minh tính khả thi của giải pháp kỹ thuật. Trường hợp thiếu một trong các nhóm bản vẽ/biện pháp có liên quan trực tiếp đến công việc chính của gói thầu thì đánh giá theo tiêu chí tương ứng tại Mục 3.

STT	Tài liệu/bản vẽ tối thiểu	Yêu cầu thể hiện
1	Mặt bằng tổ chức công trường, đường công vụ, bãi đúc, bãi tập kết, bãi thải	Thể hiện trên nền tuyến bờ tây, có vị trí ban chỉ huy, kho bãi, đường ra vào, điện/nước tạm, thoát nước tạm, PCCC, rào chắn/cảnh báo.
2	Phân đoạn thi công, mũi thi công, tổng tiến độ không gian	Thể hiện cọc/phân đoạn, trình tự, đường găng, vị trí đề quây, hố móng, khu vực thi công trong nước và các điểm dừng kỹ thuật.
3	Đê quây, bơm tiêu, dẫn	Có mặt bằng, mặt cắt đê quây, bạt chống thấm,

	dòng và điều tiết giao thông thủy	trạm bơm, ống xả, phao tiêu, biển báo, đèn cảnh báo và phương án ứng phó nước lên nhanh.
4	Đào móng chân kè, chống sạt, thoát nước hố móng	Có mặt bằng/mặt cắt đào, taluy tam, khu vực hạn chế chất tải, tuyến vận chuyển đất và biện pháp bảo vệ nhà dân/công trình lân cận.
5	Chân kè ống buy D1000, đá học, dầm chân BTCT	Có chi tiết hạ ống, cao độ, lớp lót, đổ đá trong ống, đá hộ chân, cầu lắp, khe giấy dầu/bitum và trình tự nghiệm thu.
6	Mái kè bằng vải địa kỹ thuật - đá dăm - cấu kiện BTĐS	Có trình tự từ chân lên đỉnh, chồng mí/ghim neo vải, rải đá dăm, lát cấu kiện 40x40x15cm, xử lý khe, chèn bê tông/vữa và bảo vệ thành phẩm.
7	Dầm ngang, dầm đỉnh, dầm khóa, đường quản lý, rãnh, hố ga	Có cốt thép, ván khuôn, cao độ, khe phân đoạn, mối liên kết, thoát nước và trình tự thi công/kiểm tra.
8	Cống D1000, cửa xả, chống xói, bậc/dốc dân sinh, rọ đá, lan can	Có bản vẽ mặt bằng, mặt cắt, chi tiết cấu tạo, vị trí theo cọc/cao độ và biện pháp an toàn.

Tài liệu yêu cầu nộp kèm nhưng không dùng để chấm đạt/không đạt về kỹ thuật

Tài liệu	Nội dung HSDT nộp bổ sung
Bảng phân tích chi tiết đơn giá dự thầu	Yêu cầu nhà thầu nộp kèm để phục vụ quản lý hợp đồng đơn giá điều chỉnh, thương thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng; không sử dụng làm tiêu chí đạt/không đạt về kỹ thuật.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)
Không áp dụng.